

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức H, sinh năm 1987; Tại: Bắc Giang; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ B, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1960, đã chết; Con bà: Lê Thị T (tức Lê Thị L), sinh năm 1963; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1987, đã ly hôn; Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến ngày 25/01/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Kí ốt C2, chợ M, thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Giáp Thu P, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà X, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Bà Lê Thị T (tức Lê Thị L), sinh năm 1963

Địa chỉ: Số Z, ngõ B, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà S, tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà S, đường G, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H sinh năm 1987 trú tại Số nhà A, ngõ B, đường H, phường H, thành phố B và chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987, trú tại ki ốt C2, chợ M, thuộc thôn Đ, xã T, thành phố B kết hôn từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 5 năm 2018 thì ly hôn. Sau khi ly hôn, giữa H và chị T xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên nhảu tin cãi chửi nhau. Khoảng 04 giờ 45 phút ngày 21/12/2018, khi H đang ở nhà cùng chị Giáp Thu P, sinh năm 1998, trú tại Số nhà X, đường G, phường D, thành phố B là bạn gái của H thì P nhờ H chở P về nhà có việc. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn trắng, biển kiểm soát 98B2-122.40 chở P về nhà của P rồi tiếp tục chở P về nhà của mình. Lúc này, do bực tức về việc trước đó có cãi chửi nhau với chị T nên H đã điều khiển xe chở P đi đến ki ốt của chị T đang thuê trọ ở thôn Đ, xã T, thành phố B. Khi đến nơi, H nhìn thấy cửa ki ốt của chị T đóng, chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 34C- 03308 của chị T đang đỗ ở trên đường dân sinh thôn Đ, xã T, thành phố B. H bảo chị P nhậ ở sườn đường một nửa viên gạch đưa cho H. Sau đó, H cầm một nửa viên gạch đi đến trước đầu xe ô tô của chị T dùng tay ném nửa viên gạch trúng vào phần ộp kim loại dưới kính chắn gió phía trước xe ô tô làm bẹp lõm kim loại và bong tróc sơn. H tiếp tục nhậ nửa viên gạch đó lên ném trúng kính chắn gió phía trước xe ô tô làm kính bị lõm, nứt vỡ. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở chị P đi về nhà.

Ngày 21/12/2018, chị Hoàng Thị T có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường vụ án và kiểm tra dấu vết trên chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng bạc, biển kiểm soát 34C-03308, kết quả như sau:

- Hiện trường xảy ra vụ việc tại đường dân sinh thôn Đ, xã T, thành phố B. Hướng Bắc là ki ốt chợ M, hướng Nam là khu đất trống và nhà dân, hướng

Đông là đường dân sinh đi ra khu vực thôn Đ, hướng Đông là đường dân sinh đi ra khu vực thôn Miếu. Đường dân sinh thôn Đ trải lát bê tông bằng phẳng rộng 7,1m. Lẫy trụ nước chữa cháy ký hiệu TCVN 6379-1988 làm mốc cố định, xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng bạc, biển kiểm soát 34C-03308 đỗ trên lòng đường, đầu xe qua hướng Đông, đuôi xe quay hướng Tây, trục bánh trước bên trái cách mép đường hướng Bắc 0,2m, cách trụ nước chữa cháy ký hiệu TCVN 6379-1988 là 4,2m, cách mép ngã ba đường thôn Đ hướng Tây là 15,2m.

- Kiểm tra dấu vết trên chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng bạc, biển kiểm soát 34C-03308: Tại kính chắn gió phía trước phát hiện vết lõm, rạn nứt, vỡ kính trên diện (1,1x0,7)m, mặt ngoài bám dính chất màu đỏ hướng từ ngoài vào trong. Tại ốp viền kim loại màu đen phía dưới kính chắn gió phía trước xe ô tô phát hiện vết bẹp lõm kim loại, bám dính chất màu đỏ, kích thước (0,5x0,18)m hướng từ ngoài vào trong.

- Kiểm tra toàn bộ vết rạn nứt, vỡ kính vẫn bám dính vào nhau do phía trước bên trong kính có dán một tấm phim cách nhiệt. Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra thu giữ 06 mẫu viên gạch vỡ màu đỏ có kích thước khác nhau.

Cùng ngày 21/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đức H, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu trắng, biển kiểm soát 98B2-122.40 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu xám trắng, số imel 355719070431099.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 146/KL-HĐĐG ngày 26/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Kia.K3000S, biển kiểm soát 34C- 033.08 loại xe trọng tải 1,15 tấn.

* Thay thế:

- 01 kính chắn gió phía trước chiếc đèn hậu có giá trị là 1.200.000 đồng
- 01 tấm dán phim cách nhiệt dán kính chắn gió phía trước có giá trị là 1.700.000 đồng

* Sửa chữa: Gò và sơn vết bẹp lõm kim loại, bong tróc sơn ở phần đầu tại dưới kính chắn gió phía trước có kích thước (0,5x0,18)m có giá trị là 600.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị T không yêu cầu Nguyễn Đức H phải bồi thường dân sự.

Đối với chị Giáp Thu P là người đi cùng H và nhặt một nửa viên gạch đưa cho H nhưng chị P không biết H đi đâu, làm gì và dùng một nửa viên gạch để làm hư hỏng tài sản của chị T nên chị P không vi phạm pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu sơn trắng, biển kiểm soát 98B2-122.40, quá trình điều tra xác định là xe H mượn của mẹ là bà Lê Thị L. Ngày 17/01/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà Lê.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức H đã khai nhận hành vi phạm tội.

- Cáo trạng số 40/CT - VKS ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và trình bày: Bị cáo rất ân hận về hành vi bị cáo đã gây ra, nhưng vì giữa bị cáo và chị T sau khi ly hôn có nhiều mâu thuẫn chưa được giải quyết, nên bị cáo mới có hành vi hủy hoại tài sản của chị T.

- Chị Giáp Thu P có mặt tại phiên tòa trình bày: Chị là bạn gái của bị cáo H, giữa chị và chị T không có mâu thuẫn gì, chị không biết chị T và chỗ ở của chị T. Khoảng hơn 4 giờ ngày 21/12/2018, sau khi ở nhà chị về, bị cáo H có đi qua cầu Bắc Giang để sang xã T, trên đường đi chị có hỏi bị cáo đi đâu bị cáo H không nói gì. Bị cáo H có bảo chị nhặt hộ viên gạch, chị có hỏi bị cáo để làm gì bị cáo H không trả lời. Đang ngồi trên xe mô tô chị nghe thấy tiếng động, chị quay lại nhìn về phía bị cáo, chị thấy bị cáo đang đứng trước một xe ô tô. Khi bị cáo H đi ra xe mô tô để đi về, chị có hỏi bị cáo sao lại làm thế, bị cáo H không nói gì. Sau này làm việc tại Cơ quan điều tra chị mới biết chiếc xe bị cáo làm hư hỏng là xe của chị T là vợ cũ của bị cáo. Bị cáo H không bàn bạc gì với chị về việc làm hư hỏng xe ô tô của chị T.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố những lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Đức H không có ý kiến gì về những lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ đi thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến ngày 25/01/2019.

+ Vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 06 (sáu) mẫu gạch vỡ màu đỏ có kích thước khác nhau.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6S plus, vỏ màu xám trắng, có số imei: 355719070431099, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

+ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo tranh luận về phần hình phạt, bị cáo cho rằng đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù giam đối với bị cáo là quá cao, bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo hiện tại khó khăn, con nhỏ, mẹ bị bệnh hiểm nghèo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Xét về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 45 phút ngày 21/12/2018, tại đường dân sinh thôn Đ, xã T, thành phố B, Nguyễn Đức H đã có hành vi dùng gạch làm hư hỏng một số bộ phận chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu trắng bạc, biển kiểm soát 34C-03308 của chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987, trú tại ki ốt C2, chợ M, thuộc thôn Đ, xã T, thành phố B, tổng giá trị tài sản bị hư hỏng là 3.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4] Xét về nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo từ 7 tháng đến 9 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án thì thấy: Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị như vậy là nghiêm khắc vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có hành vi phạm tội nào khác. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo nuôi con nhỏ, mẹ đẻ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, nên không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với chị Giáp Thu P có hành vi đi cùng bị cáo đến nơi ở của chị T và có hành vi nhặt nửa viên gạch cho H nhưng không biết trước việc bị cáo dùng viên gạch để làm hư hỏng tài sản của chị T nên chị P không vi phạm pháp luật.

[10] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-122.40, qua điều tra xác định là xe bị cáo H mượn của mẹ đẻ là bà Lê Thị T (tức Lê Thị L), khi cho H mượn xe bà T (tức L) không biết H dùng để đi thực hiện hành vi phạm tội nên bà T (tức L) không vi phạm pháp luật. Ngày 17/01/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà T (tức L).

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Hoàng Thị T không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[12] Về vật chứng của vụ án:

[12.1] Đối với 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 6S plus, vỏ màu xám trắng, có số imei: 355719070431099, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12.2] Đối với 06 (sáu) mẫu gạch vỡ màu đỏ có kích thước khác nhau là công cụ phương tiện phạm tội của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

3. **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đức H 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4. Vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu hủy 06 (sáu) mẫu gạch vỡ màu đỏ có kích thước khác nhau.

4.2. Trả lại bị cáo 01 điện thoại đi động Iphone 6S plus, vỏ màu xám trắng, có số imei: 355719070431099, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự
Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

7. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo